TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HSST
Ngày: 29/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Giàng A Chu**

2. Bà: **Nguyễn Thúy Hà.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hồng Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Duy Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HS ngày 18/11/2019 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Họ và tên: **Lù Văn S;** Tên gọi khác: Lù Văn Đ; Sinh năm: 1977, tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Lù Văn P (đã chết); Họ và tên mẹ: Lò Thị U; Sinh năm: 1936; Vợ bị cáo chị Lò Thị H, sinh năm: 1982 (đã ly hôn) và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án: Không; tiền sự: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xử 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 25/4/2019 chấp hành xong hình phạt tù (đến nay chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2019 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

***Bị cáo thứ hai*:** Họ và tên: **Lù Văn L;** Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1980, tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Lù Văn P (đã chết); Họ và tên mẹ: Lò Thị U; Sinh năm: 1936; Vợ bị cáo chị Lò Thị K, sinh năm: 1985 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2019 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: **Viễn Thông Đ.**

Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc Viễn thông Đ.

Người được ông Nguyễn Văn T ủy quyền: Ông Ngô Văn D – Giám đốc Trung tâm A – Viễn Thông Đ.

Người được ông Ngô Văn D ủy quyền: Ông Tạ Văn D1 - Tổ trưởng tổ kỹ thuật M - Trung tâm A – Viễn Thông Đ.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của Lù Văn S, Lù Văn L được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 00 ngày 09/10/2019 tại đoạn đường đi vào Trung tâm hành chính huyện M thuộc bản H, thị trấn M Lù Văn L, Lù Văn S đã lén lút trộm cắp 171,88m dây cáp viễn thông của Trung tâm A - Viễn Thông Đ có giá trị 33.681.089 đồng, mục đích để đốt lấy dây đồng bán phế liệu lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Khoảng 20 giờ 30 ngày 09/10/2019 Lù Văn S đến nhà Lù Văn L tìm con trai nhưng không thấy (S là anh ruột của L), S ở lại nhà L ngồi chơi, nói chuyện. Đến khoảng 23 giờ S rủ L đi trộm dây cáp viễn thông của Trung tâm Viễn thông huyện M (Trung tâm A- Viễn Thông Đ) tại đoạn đường đi vào trung tâm hành chính huyện M thuộc bản H, thị trấn M để về đốt lấy dây đồng bán phế liệu. Lù Văn L đồng ý đã mang theo 01 túi bằng vải màu đen dạng đeo có chiều dài khoảng 50cm, chiều rộng khoảng 30cm; 01 chiếc đèn pin màu đen loại có dây đeo trên đầu và 01 con dao dài 55,5cm. L và S đi sang đoạn đường đi vào trung tâm hành chính huyện có các cột viễn thông treo dây cáp. L trèo lên các cột viễn thông chặt đứt phần dây cáp viễn thông đường kính 2cm, loại 100x2 lõi, có các sợi dây đồng kéo xuống đất. Sau đó L và S cùng kéo các sợi dây xuống theo hướng vào Trung tâm hành chính huyện M rồi dùng dao chặt đứt. Vì các đoạn dây cáp trên cao, gần dây điện cao thế L và S đã chặt ngắt quãng các đoạn dây dưới thấp được 05 đoạn dây có tổng chiều dài 62,24m, tổng đoạn dây cáp viễn thông L, S trộm cắp và làm hư hại cần thay thế hoàn toàn là 171,88m. Sau khi chặt xong L cầm 02 đoạn dây, S cầm 03 đoạn dây kéo về nhà khi đi đến đoạn cầu tại đường 42m thuộc bản H, thị trấn M thì bị tổ công tác Công an thị trấn Mường Ảng phát hiện bắt quả tang.

Ngày 10/10/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Mường Ảng đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 13/YCĐGTS và tại bản Kết luận giá trị tài sản số: 13/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: 05 đoạn dây có tổng chiều dài 62,24m có giá trị 12.196.363 đồng. Tổng đoạn dây cáp viễn thông L, S trộm cắp, làm hư hại cần thay thế hoàn toàn là 171,88m có giá trị 33.681.089 đồng.

Tại đơn đề nghị của anh Tạ Văn D1 - người được bị hại ủy quyền: Xin nhận lại tài sản và đề nghị bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Về hình phạt đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật cho các bị cáo.

Tại Cáo trạng số: 66/CT-VKSMA ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lù Văn S (Lù Văn Đ), Lù Văn L về hành vi "Trộm cắp tài sản". Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lù Văn S (Lù Văn Đ) từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; khoản 1, khoản 2 Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lù Văn L từ 10 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS không phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Phần bồi thường thiệt hại do người bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về vật chứng áp dụng điểm c Khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS trả lại cho bị hại Viễn Thông Đ 05 đoạn dây cáp đồng viễn thông màu đen, đường kính 02cm, loại 100x2 lõi dài 62,24m *(đoạn 1 dài 11,96m, đoạn 2 dài 13,6, đoạn 3 dài 14m, đoạn 4 dài 10,7m, đoạn 5 dài 11,98m)*.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 55,5cm, có phần kim loại màu đen dài 37cm, phần cán gỗ dài 18,5cm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 BLHS; điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS: Buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền 21.484.726 đ (33.681.089đ - 12.196.363đ), mỗi bị cáo phải bồi thường 10.742.363đ.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo nói lời sau cùng: Các Bị cáo nhận phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo cũng chấp nhận giá trị tài sản 33.681.089đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Nội dung vụ án:* Tại phiên tòa bị cáo Lù Văn S, Lù Văn L công nhận: Hồi 23 giờ 00 ngày 09/10/2019 tại đoạn đường đi vào Trung tâm hành chính huyện M thuộc bản H, thị trấn M Lù Văn L, Lù Văn S đã lén lút trộm cắp 171,88m dây cáp viễn thông của Viễn thông tỉnh Đ – Trung tâm A, huyện M có giá trị 33.681.089 đồng, mục đích để đốt lấy dây đồng bán phế liệu lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp nội dung Kết luận điều tra và Cáo trạng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lù Văn S, Lù Văn L đã phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố và kiểm sát viên luận tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Lù Văn S, Lù Văn L đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[2]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án:* Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công và bàn bạc cụ thể mà bộc phát nảy sinh phạm tội, trong đó Lù Văn S là người khởi xướng, đồng thời cũng là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Lù Văn L là đồng phạm thể hiện ở việc thống nhất ý chí và thực hiện tích cực trộm cắp tài sản với S. Vì vậy vai trò đồng phạm của các bị cáo là như nhau.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Lù Văn S (Lù Văn Đ) là đối tượng có nhân thân xấu. Năm 2013 bị cáo Lù Văn S bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng xử phạt 05 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 02 năm tù về tội "chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt là 07 năm tù, đến nay chưa được xóa án tích, bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo là một người chồng, người cha trụ cột trong gia đình nhưng do thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lười lao động để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã bất chấp pháp luật, đi vào con đường phạm tội. Bản thân bị cáo đã đi chấp hành án về không coi đó là bài học rút kinh nghiệm cho bản thân, mà còn lao vào con đường phạm tội. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cần đưa ra mức án thật nghiêm khắc, để cải tạo giáo dục bị cáo và cũng là cơ hội để bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo S có một tình tiết tăng nặng điểm h Khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Bị cáo Lù Văn L sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên được bố mẹ cho đi học đến lớp 2/12 ở nhà lao động sản xuất. Đến tuổi trưởng thành kết hôn với chị Lò Thị K và có với nhau 02 người con. Ngày 10/10/2019 bị cáo có hành vi Trộm cắp tài sản. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cũng có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát giáo dục là đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội tự cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng quy định tại điều 52 của BLHS.

[5] Theo khoản 5 Điều 173 BLHS quy định bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, thu nhập chủ yếu từ làm ruộng nên không có khả năng thi hành; vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Đối với phần bồi thường thiệt hại, do bị hại có đơn xin lại tài sản đã bị trộm cắp 05 đoạn dây cáp đồng viễn thông màu đen, đường kính 02cm, loại 100x2 lõi dài 62,24m *(đoạn 1 dài 11,96m, đoạn 2 dài 13,6, đoạn 3 dài 14m, đoạn 4 dài 10,7m, đoạn 5 dài 11,98m)* nên trả lại cho bị hại Trung tâm A - Viễn Thông Đ là phù hợp. Nhưng phải tính giá trị mà Viễn Thông Đ đã thay thế toàn bộ đường dây tổng là Tổng đoạn dây cáp viễn thông L, S trộm cắp, làm hư hại cần thay thế hoàn toàn là 171,88m có giá trị 33.681.089 đồng được trừ đi vật chứng đã trả lại là 12.196.363đ. Buộc bị cáo S, L bồi thường số tiền trên lệch là 21.484.726 đồng, (bị cáo S phải bồi thường số tiền: 10.742.363 đồng, bị cáo L bồi thường số tiền 10.742.363 đồng).

[6] Về vật chứng: Hội đồng xét xử thấy rằng: 05 đoạn dây cáp đồng viễn thông màu đen, đường kính 02cm, loại 100x2 lõi dài 62,24m *(đoạn 1 dài 11,96m, đoạn 2 dài 13,6, đoạn 3 dài 14m, đoạn 4 dài 10,7m, đoạn 5 dài 11,98m)* nên trả lại cho bị hại Viễn Thông Đ là phù hợp.

01 con dao dài 55,5cm, có phần kim loại màu đen dài 37cm, phần cán gỗ dài 18,5cm cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 túi bằng vải màu đen dạng đeo có chiều dài khoảng 50cm, chiều rộng khoảng 30cm; 01 chiếc đèn pin màu đen loại có dây đeo trên đầu Lù Văn L khai đã làm mất CQĐT không truy tìm được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí*: Các bị cáo Lù Văn S, Lù Văn L mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng)* và án phí dân sự sơ thẩm là 537.118.150đ nhưng bị cáo sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí HSST, án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[8]. Về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát xét thấy phù hợp nên hội đồng xét xử xem xét.

[9]. Các bị cáo; Bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10]. Trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lù Văn S (Lù Văn Đ), Lù Văn L phạm tội: "Trộm cắp tài sản ".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Lù Văn S (Lù Văn Đ) 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2019.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Xử phạt bị cáo Lù Văn L 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 tháng kể từ ngày 29/11/2019.

Giao bị cáo Lù Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định theo khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp Lù Văn L thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện M, tỉnh Điện Biên thì Ủy ban nhân dân xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp Lù Văn L thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lù Văn L đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 BLHS; điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS: Buộc bị cáo Lù Văn S phải bồi thường số tiền: 10.742.363 đồng cho Viễn Thông Đ, bị cáo Lù Văn L bồi thường số tiền 10.742.363 đồng cho Viễn Thông Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà các bị cáo không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS

3. *Vật chứng:* Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS: Trả lại cho Viễn Thông Đ 05 đoạn dây cáp đồng viễn thông màu đen, đường kính 02cm, loại 100x2 lõi dài 62,24m *(đoạn 1 dài 11,96m, đoạn 2 dài 13,6m, đoạn 3 dài 14m, đoạn 4 dài 10,7m, đoạn 5 dài 11,98m)*.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 55,5cm, có phần kim loại màu đen dài 37cm, phần cán gỗ dài 18,5cm.

(*Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2019*).

4. *Án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lù Văn S, Lù Văn L.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKS tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- STP tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện Mường Ảng;
- Bị cáo; Đương sự.
- Lưu hs;